

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 19-8- 2024

“V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh T****

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn K****

2. Ông Trần Thanh T****

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Thuý V**** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 335/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Ngọc T****, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp Đông Thạnh C, xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long – xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T****, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp Đông Thạnh C, xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long – xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2023, chị Mai Ngọc T**** trình bày: chị T**** và anh T**** quen biết do mai mối, cả hai có tìm hiểu nhau

sau đó được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long số 62 ngày 21/11/2006. Trong thời gian chung sống do gặp khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày và dù đã cố gắng nhưng chúng tôi không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị T**** yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T****.

- Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Ngọc Tuyết N****, sinh ngày 02/4/2003; Nguyễn Ngọc Bích N****, sinh ngày 20/6/2004; Nguyễn Ngọc Thanh T****, sinh ngày 03/6/2008 và Nguyễn Ngọc Yên V****, sinh ngày 06/12/2011. chị T**** yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Thanh T**** và Nguyễn Ngọc Yên V****, không yêu cầu anh T**** cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Nguyễn Ngọc Tuyết N**** và Nguyễn Ngọc Bích N**** đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị T**** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị T**** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Mai Ngọc T**** có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T**** có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày: anh T**** đồng ý ly hôn với chị T****; Về con chung: anh T**** thống nhất có 04 con chung là Nguyễn Ngọc Tuyết N****, sinh ngày 02/4/2003; Nguyễn Ngọc Bích N****, sinh ngày 20/6/2004; Nguyễn Ngọc Thanh T****, sinh ngày 03/6/2008 và Nguyễn Ngọc Yên V****, sinh ngày 06/12/2011. anh T**** đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Thanh T**** và Nguyễn Ngọc Yên V**** cho chị T**** tiếp tục nuôi dưỡng, anh T**** không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Ngọc Tuyết N**** và Nguyễn Ngọc Bích N**** đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: anh T**** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án,

các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào **khoản 2, Điều 21** của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, chị Mai Ngọc T**** và anh Nguyễn Hoàng T**** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với pháp luật. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ gia đình giữa chị Mai Ngọc T**** và anh Nguyễn Hoàng T**** **có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán**, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T**** và anh T**** có nhiều mâu thuẫn như: **Do kinh tế khó khăn, quan điểm ngày càng khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.** Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T****. Cho chị Mai Ngọc T**** được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T****.

[4] Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Ngọc Tuyết N****, sinh ngày 02/4/2003; Nguyễn Ngọc Bích N****, sinh ngày 20/6/2004; Nguyễn Ngọc Thanh T****, sinh ngày 03/6/2008 và Nguyễn Ngọc Yên V****, sinh ngày 06/12/2011. **chị T**** yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Thanh T**** và Nguyễn Ngọc Yên V****, không yêu cầu anh T**** cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Nguyễn Ngọc Tuyết N**** và Nguyễn Ngọc Bích N**** đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu trên phù hợp với nguyện vọng của 04 con chung được nêu trong 04 bản tự khai ngày 17/11/2023. anh T**** thống nhất với yêu cầu của chị T**** được thể hiện rõ trong đơn xin hoà giải và xét xử vắng mặt tại Toà.**

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mai Ngọc T** và anh Nguyễn Hoàng T**** về việc nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Hoàng T**** chưa phải cấp dưỡng nuôi con.**

Anh Nguyễn Hoàng T**** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung: chị T****, anh T**** không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị T****, anh T**** không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Ngọc T**** phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số **0012276, ngày 24/11/2023** của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị T**** không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **Điều 28**; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; **khoản 4 Điều 147**; Điều 227, 228, **238** Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56, 57, **81, 82, 83 và 84** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Mai Ngọc T****.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Mai Ngọc T**** được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T****.

2/ Về con chung: **Giao cho chị Mai Ngọc T**** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung: Nguyễn Ngọc Thanh T****, sinh ngày 03/6/2008 và Nguyễn Ngọc Yên V****, sinh ngày 06/12/2011. Đối với Nguyễn Ngọc Tuyết N**** và Nguyễn Ngọc Bích N**** đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.** Do chị T**** không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T**** chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng T**** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung: chị T****, anh T**** không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4/ Về nợ chung: chị T****, anh T**** không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Ngọc T**** phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số **0012276, ngày 24/11/2023** của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị T hẩm không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- UBND xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh T****